

Bản án số: 72/2025/HSST
Ngày 09-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CAO BẰNG:

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Thu Hương

Bà Vũ Kim Hoa

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nông Triệu Bảo Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tham gia phiên toà:** Bà Nông Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2025/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Hoàng Văn S sinh ngày: 22 tháng 10 năm 2004 tại xã N, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: xóm Đ, xã N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1982 và bà Đào Thị T, sinh năm 1984; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2025 đến nay; có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

- **Bị hại:** Đào Thị S1; sinh ngày 23/02/2008; địa chỉ: xóm L, xã T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại:** Bà Phùng Thị M; sinh năm 1983; địa chỉ: xóm L, xã T, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:** Bà Hà Thị H1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Mã Văn V; địa chỉ: xóm L, xã H, tỉnh Cao Bằng; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/11/2024 Công an xã Q, huyện H (nay là Công an xã N), tỉnh Cao Bằng nhận được công văn của Tổ truyền thông tư vấn, can thiệp giảm thiểu táo hôn và hôn nhân cận huyết thống xã Q về việc: từ khoảng tháng 10/2023, tại hộ gia đình ông Hoàng Văn H (sinh năm 1982; trú tại: xóm Đ, xã Q, huyện H (nay là xóm Đ, xã N), tỉnh Cao Bằng có công dân tên Đào Thị S1 (sinh ngày 23/02/2008; trú tại: xóm L, xã Q, huyện Q (nay là xóm L, xã T), tỉnh Cao Bằng đến sinh sống như vợ chồng với con trai ông H là Hoàng Văn S (sinh năm 2004) và đã sinh con được khoảng 03 tháng tuổi.

Tiến hành xác minh, trực tiếp lấy lời khai của Đào Thị S1 xác định được S1 và Hoàng Văn S quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook, đến khoảng tháng 10/2023 gia đình ông H (gồm Hoàng Văn S, ông Hoàng Văn H – bố của S và bà Đào Thị T - mẹ của S sang nhà S1 và đem theo 26.000.000 đồng đưa cho gia đình S1 để làm tiền sính lễ đưa S1 về nhà ông H để làm vợ của Hoàng Văn S. Quá trình sinh sống ở nhà ông H, Sáy tự nguyện quan hệ tình dục với S, lần đầu vào khoảng đầu tháng 10/2023. Khoảng tháng 11/2023 S1 mang thai và giữa tháng 8/2024 gia đình S đưa S1 đi sinh con tại Trung tâm y tế thành phố C.

Bệnh án của Trung tâm y tế thành phố C ghi nhận hồi 15 giờ 10 phút ngày 17/8/2024 Đào Thị S1 phải tiến hành phẫu thuật, chuẩn đoán thai 9 tháng chuyển dạ giai đoạn Ib.

Quá trình xác minh Hoàng Văn S vắng mặt tại địa phương cho đến ngày 09/7/2025 S tự nguyện đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

Ngày 09/7/2025 Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy mẫu tóc và niêm mạc miệng của Hoàng Văn S, Đào Thị S1 và Đào Thị N (con gái của S1) để trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định ADN số 420/KLGĐADN-PYQG ngày 17/7/2025 của V1 kết luận:

“- Hoàng Văn S có quan hệ huyết thống bố con với Đào Thị N, độ tin cậy 99,9999%.

- Đào Thị S1 có quan hệ huyết thống mẹ con với Đào Thị N, độ tin cậy 99,9999%”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Hoàng Văn S khai nhận: khoảng tháng 7/2023 S làm quen với Đào Thị S1 qua mạng xã hội Facebook. Sau khi làm quen S thường sang trường Trung học cơ sở Q là nơi S1 đang học để nói chuyện và về nhà S1 chơi. Khoảng tháng 10/2023, S đưa S1 về nhà ra mắt bố mẹ, sau đó

03 ngày S cùng gia đình sang nhà S1 ăn cơm và nói chuyện hỏi S1 về làm vợ, hứa hẹn sẽ đưa cho gia đình S1 26.000.000 đồng tiền sinh lễ và được gia đình S1 đồng ý. Sau bữa cơm, S1 theo S về nhà tại xóm Đ, xã N, tỉnh Cao Bằng và đến khoảng 22 giờ cùng ngày S và S1 lần đầu tiên thực hiện hành vi quan hệ tình dục bằng hình thức giao cấu. Những ngày sau, S và S1 nhiều lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với nhau tại nhà của S, do S và S1 tự nguyện và không sử dụng biện pháp tránh thai.

Sau khi sự việc xảy ra bị hại Đào Thị S1 có đơn không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm cho Hoàng Văn S và có nguyện vọng khi đủ tuổi sẽ lấy S làm chồng.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSKV1 ngày 30/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng quyết định truy tố bị cáo Hoàng Văn S về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố và trình bày quan điểm về nguyên nhân phạm tội, hướng giải quyết vụ án như sau: Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại, tiềm ẩn nhiều nguy hại đến sức khỏe và cuộc sống tương lai của bị hại, phải làm mẹ khi tuổi đời còn rất trẻ, chưa có công ăn việc làm ổn định. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội do lạc hậu, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, sau khi có con với bị hại, bị cáo là lao động chính trong gia đình do bị hại chưa đủ tuổi lao động và phải ở nhà chăm sóc con nhỏ và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại. Ngoài ra, quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện đầu thú và gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, điểm d khoản 2 Điều 145; điểm b, điểm m, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự tuyên bố Hoàng Văn S tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”, xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Về án phí: đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng và luận cứ bào chữa của người bào chữa về tội danh, hành vi phạm tội, mức hình phạt nên không có ý kiến tranh luận.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cao Bằng giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị vì bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng và có 02 tình tiết định khung, nên mức hình phạt đã đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hoàn cảnh của bị cáo đồng thời có ý nghĩa trong việc răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: lời khai của bị hại, Giấy khai sinh, bệnh án của Đào Thị S1 tại Trung tâm y tế thành phố C và kết luận giám định ADN.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh từ khoảng tháng 10 đến tháng 12/2023 Hoàng Văn S đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Đào Thị S1 (thời điểm thực hiện hành vi Đào Thị S1 được 15 tuổi 08 tháng), tại nhà riêng thuộc xóm Đ, xã N, tỉnh Cao Bằng. Những lần quan hệ tình dục với S, Đào Thị S1 đều tự nguyện. Ngày 17/8/2024 Đào Thị S1 sinh con chung với Hoàng Văn S tại Trung tâm y tế thành phố C.

Khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù bị hại tự nguyện nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tâm sinh lý của người chưa thành niên. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng truy tố bị cáo Hoàng Văn S về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc

trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

d) Làm nạn nhân có thai

... ”

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm phạm đến sức khỏe sinh sản, làm ảnh hưởng đến tâm lý của người chưa thành niên, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm khắc.

Nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt.

Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội do lạc hậu, quá trình điều tra và tại phiên tòa luôn thành khẩn khai báo; sau khi sự việc bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện đầu thú, mặc dù bị hại không yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, ngoài ra tại phiên tòa bị cáo và bị hại đều thừa nhận sau khi bị hại sinh con bị cáo là lao động chính giúp bị hại nuôi con và trang trải cuộc sống nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm m, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: không có.

[4]. Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, cả gia đình bị cáo và bị hại đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chịu ảnh hưởng phần nào của phong tục tập quán lạc hậu và trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế nên sau khi quen biết nhau đã có quan hệ tình cảm và sinh sống với nhau như vợ chồng từ đó dẫn đến việc thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái pháp luật và làm bị hại có thai. Mặt khác, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên việc áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm phạm tội.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, gia đình thuộc hộ nghèo và hiện nay là lao động chính nuôi bị hại và con, nên việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương mà bị cáo vẫn có thể tự cải tạo, lao động tiếp tục nuôi bị hại và con, không tạo gánh nặng cho xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: do bị hại và người đại diện của bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Các nhận định khác: ông Hoàng Văn H và bà Đào Thị T là bố, mẹ của bị cáo cũng là người trao đổi với bà Phùng Thị M về việc cưới hỏi Đào Thị S1 cho Hoàng Văn S, xét thấy ông H, bà T, bà M không đứng ra tổ chức lễ cưới và không công bố rộng rãi theo phong tục địa phương nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi tổ chức tảo hôn là có căn cứ.

[7]. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm: qua vụ án này, Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức đoàn thể, nhà trường cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, phòng ngừa nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết đặc biệt trong vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

[8]. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng tại phiên tòa về tội danh, hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hoàn cảnh kinh tế bị cáo, phù hợp với chính sách nhân đạo của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa là thể hiện tính khoan dung, nhân đạo của pháp luật nên cần được xem xét.

Xét đề nghị xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất của bị cáo là thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cần được xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ điểm a, điểm d khoản 2 Điều 145; điểm b, điểm m, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn S phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Xử phạt Hoàng Văn S 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cao Bằng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, gia đình có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc

người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn S được miễn án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đều có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 1-Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 1-Cao Bằng;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền